

Số: /TB-VKSHD

Hải Dương, ngày 04 tháng 4 năm 2025

THÔNG BÁO
Kết quả thực hiện chỉ tiêu công tác 06 tháng năm 2025
(Từ 01/10/2024 – 31/3/2025)

Thực hiện Kế hoạch số 01/KH-VKS ngày 31/12/2024 của VKSND tỉnh Hải Dương về công tác kiểm sát năm 2025; Hệ thống chỉ tiêu nghiệp vụ cơ bản ban hành kèm theo Quyết định số 140/QĐ-VKSTC ngày 01/4/2025 (viết tắt là Hệ thống chỉ tiêu 140); trên cơ sở báo cáo của đơn vị VKS hai cấp; VKSND tỉnh Hải Dương tổng hợp, thông báo kết quả thực hiện các chỉ tiêu công tác 06 tháng năm 2025 như sau:

1. Chỉ tiêu theo Hệ thống chỉ tiêu 140 và Kế hoạch 01.

STT	Chỉ tiêu	Đã thực hiện	Còn phải thực hiện 06 tháng cuối năm 2025 (tính đến 30/9/2025)	Ghi chú
I	Thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết nguồn tin			
1	Chỉ tiêu Kiến nghị yêu cầu khắc phục vi phạm, phòng ngừa vi phạm pháp luật và tội phạm (Phòng 1, 2 và VKS cấp huyện ban hành ít nhất 02 kiến nghị/năm)	Đã ban hành 20 kiến nghị¹, gồm: 14 kiến nghị tổng hợp ² 02 Kiến nghị vụ việc ³ . 04 Kiến nghị phòng ngừa ⁴ .	09 kiến nghị Phòng 1- 02 Phòng 2- 01 Nam Sách 01 Ninh Giang 01 Thanh Miện 01 Thanh Hà 02 Tứ Kỳ 01	

¹ Phòng 2- 01; Gia Lộc 02; Nam Sách 01; Cẩm Giàng 02; Ninh Giang 01; Thanh Miện 01; Kim Thành 02; Kinh Môn 02; Chí Linh 03; Tứ Kỳ 01; TPHD 02; Bình Giang 02

² Phòng 2- 01; Bình Giang 01; Gia Lộc 02; Nam Sách 01; Thanh Miện 01; Chí Linh 02; Kinh Môn 01; Cẩm Giàng 02; TPHD 02; Tứ Kỳ 01

³ Kinh Môn 01; Kim Thành 01.

⁴ **Ninh Giang 01** kiến nghị phòng ngừa đối với Chủ tịch UBND huyện về phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật về giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông; **Kinh Môn 01** kiến nghị phòng ngừa đối với với Trưởng công an thị xã Kinh Môn về tội phạm liên quan đến lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên mạng internet (Tháng 2); **Chí Linh 01** KNPN đối với Chủ tịch UBND phường Cộng Hoà về phòng ngừa cản trở giao thông; **Bình Giang 01** KNPN Chủ tịch UBND xã Nhân Quyền về phòng ngừa tội phạm xảy ra trên địa bàn xã (Tháng 3/2025)

STT	Chỉ tiêu	Đã thực hiện	Còn phải thực hiện 06 tháng cuối năm 2025 (tính đến 30/9/2025)	Ghi chú
2	Ban hành yêu cầu hoặc tự ra quyết định xử lý, giải quyết khi có đủ căn cứ theo quy định pháp luật (Phòng 1, 2 và VKS cấp huyện: 100 % tin báo có căn cứ ra quyết định giải quyết phải ban hành yêu cầu hoặc VKS ra quyết định; Phòng 1, Phòng 2 ban hành ít nhất 01 yêu cầu KTVA, VKSND cấp huyện ít nhất 02 yêu cầu KTVA)	38 yêu cầu khởi tố vụ án ⁵ ; 08 yêu cầu bổ sung quyết định khởi tố vụ án ⁶ ; 14 yêu cầu thụ lý ⁷ , 09 yêu cầu tiếp tục giải quyết ⁸ ; 22 yêu cầu ra quyết định giải quyết tin báo ⁹ , 01 yêu cầu xác minh phục vụ việc phong toả, kê biên tài sản ¹⁰ , 01 yêu cầu kiểm tra tiếp nhận nguồn tin ¹¹ .	01 yêu cầu KTVA Thanh Hà – 01;	
3	Chỉ tiêu trực tiếp kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm (Phòng 1, 2 ít nhất 01 lần/năm đối với CQĐT hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra).	02 cuộc, ban hành 02 kết luận kiến nghị ¹² .	Phòng 1, Phòng 2 mỗi đơn vị 01 cuộc	
3.1	Thực hiện trực tiếp kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm (VKS cấp huyện đã thực hiện TTKS CQĐT trước khi khi không bố trí Công an cấp huyện	06 cuộc, ban hành 06 kết luận kiến nghị ¹³ .		

⁵ Phòng 1- 03; Thanh Hà – 01; Thanh Miện 02; Cẩm Giàng 06; Kinh Môn 02; Chí Linh 03; Bình Giang 03; Nam Sách 03; Gia Lộc 03; Ninh Giang 04; Kim Thành 02; TPHD 03; Tứ Kỳ 03.

⁶ Phòng 1- 03; Phòng 2 – 01; Gia Lộc 02; Cẩm Giàng 01; Kinh Môn 01 yêu cầu khởi tố bổ sung quyết định khởi tố vụ án.

⁷ Phòng 1 – 04; Cẩm Giàng 01; Nam Sách 04; Kim Thành 03; Chí Linh 02.

⁸ Phòng 1- 02; Nam Sách 02; Kinh Môn 02; Kim Thành 02; Ninh Giang 01.

⁹ Chí Linh 10; Kim Thành 01; Gia Lộc 06; Cẩm Giàng 04; Bình Giang 01.

¹⁰ Phòng 1 - 01 .

¹¹ Phòng 1- 01.

¹² **Phòng 1- 01** kết luận kiến nghị đối với PC01 CA tỉnh; **Phòng 2- 01** kết luận kiến nghị đối với PC02 CA tỉnh (Tháng 10/2024);

¹³ Ninh Giang 01; Nam Sách 01; Kinh Môn 01; Cẩm Giàng 01; Bình Giang 01; Kim Thành 01

STT	Chỉ tiêu	Đã thực hiện	Còn phải thực hiện 06 tháng cuối năm 2025 (tính đến 30/9/2025)	Ghi chú
4	Chỉ tiêu trực tiếp kiểm sát việc tiếp nhận, thụ lý, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm của Công an cấp xã (≥ 01 lần/ năm)	17 cuộc, ban hành 16 kết luận ¹⁴ , 01 kết luận kiến nghị ¹⁵ .	Còn phải thực hiện 06 cuộc <i>Gia Lộc , Kim Thành Kinh Môn ,Thanh Hà Tứ Kỳ TP Hải Dương Mỗi đơn vị 01 cuộc</i>	
II	Thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra vụ án hình sự; kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn truy tố			
II.A	Thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra vụ án hình sự			
1	Chỉ tiêu xác định án trọng điểm (<i>Phòng 1, 2 mỗi đơn vị 02 vụ, VKS cấp huyện từ 5% trở lên</i>)	102 vụ/150 bị can ¹⁶ , đạt 18,75% ¹⁷	Ninh Giang tỷ lệ án trọng điểm còn thấp <5% Các đơn vị tiếp tục thực hiện theo Kế hoạch	
2	Chỉ tiêu án rút gọn (<i>100% số vụ đủ điều kiện</i>)	08 vụ/08 bị can ¹⁸	(100% số vụ đủ điều kiện)	
3	Chỉ tiêu Kiến nghị trong hoạt động điều tra (<i>Phòng 1, 2 và VKS cấp huyện ban hành ít nhất 01 kiến nghị/năm</i>)	18 kiến nghị tổng hợp ¹⁹ , 10 kiến nghị vụ việc ²⁰ ,	Còn phải thực hiện 01 kiến nghị Ninh Giang 01;	

¹⁴ Cẩm Giàng 02; Chí Linh 05; Thanh Miện 03; Bình Giang 02; Ninh Giang 04 kết luận với CA xã.

¹⁵ Nam Sách 01 kết luận kiến nghị với CA xã.

¹⁶ Phòng 1 – 04/08; Phòng 2- 01/01; TPHD 24/34; Bình Giang 07/16; Cẩm Giàng 11/18; Gia Lộc 13/21; Nam Sách 02/02; Thanh Hà 05/07; Thanh Miện 04/08; Chí Linh 12/14; Tứ Kỳ 07/09; Kinh Môn 07/07; Kim Thành 04/04; Ninh Giang 01/01.

¹⁷ Phòng 1 – 4,35%; Phòng 2- 9,09%; Bình Giang 14,29%; Cẩm Giàng 22,92%; Chí Linh 25%; Gia Lộc 30,95%; Nam Sách 6,06%; Kim Thành 7,55%; Kinh Môn 12,96%; Thanh Hà 23,81%; Thanh Miện 19,05%; Tứ Kỳ 24,14%, TPHD 29,67%; Ninh Giang 2,86%.

¹⁸ Nam Sách 02/02; TPHD 03/03; Thanh Miện 02/02; Bình Giang 01/01.

¹⁹ Phòng 1 -01; Phòng 2- 01; Gia Lộc 02; Nam Sách 01; Kim Thành 01; Chí Linh 02; Cẩm Giàng 03; Bình Giang 02; TPHD 02; Thanh Hà 01; Kinh Môn 01; Tứ Kỳ 01.

²⁰ Kim Thành 02; Thanh Miện 01; Nam Sách 01; Chí Linh 01; Kim Thành 01; Kinh Môn 01; TPHD 03.

STT	Chỉ tiêu	Đã thực hiện	Còn phải thực hiện 06 tháng cuối năm 2025 (tính đến 30/9/2025)	Ghi chú
4	Chỉ tiêu Kiến nghị phòng ngừa (Phòng 1, phòng 2 và VKSND cấp huyện ít nhất 01 kiến nghị)	24 kiến nghị ²¹	02 kiến nghị : Thanh Hà – 01 Tứ Kỳ - 01	
5	Chỉ tiêu ban hành yêu cầu trong hoạt động điều tra (Phòng 1, 2 ít nhất 01 yêu cầu khởi tố bị can, VKS cấp huyện ít nhất 02 yêu cầu khởi tố bị can)	52 yêu cầu khởi tố bị can ²² ; 08 yêu cầu khởi tố bổ sung quyết định khởi tố bị can ²³	03 yêu cầu Nam Sách - 02 Tứ Kỳ - 01	
6	Yêu cầu hoặc tự ban hành quyết định giải quyết vụ án tạm đình chỉ khi có đủ căn cứ (Phòng 1, 2 và VKSND cấp huyện đạt 100%)	09 yêu cầu ra quyết định đình chỉ vụ án tạm đình chỉ hết thời hiệu truy cứu TNHS ²⁴ .	100% số vụ án tạm đình chỉ có căn cứ phục hồi hoặc đình chỉ	

²¹ **Phòng 1- 02** (01 kiến nghị phòng ngừa đối với Liên đoàn lao động tỉnh về phòng ngừa vi phạm trong lĩnh vực quản lý tài chính công đoàn; 01 kiến nghị đối với Thủ trưởng QĐĐT CA tỉnh trong quản lý thông tin liên quan đến vi phạm thuế); **Phòng 2- 02 (01 KN** đối với Chủ tịch UBND tỉnh về phòng ngừa vi phạm trong hoạt động quản lý nhà nước về luật sư; **01 KN** với Chủ tịch UBND tỉnh về tội phạm liên quan đến người dưới 18 tuổi điều khiển phương tiện giao thông đường bộ); **Thanh Miện 03 (01** kiến nghị phòng ngừa đối với Chủ tịch UBND huyện về áp dụng biện pháp phòng ngừa vi phạm liên quan đến pháo nổ trên địa bàn huyện; 01 kiến nghị phòng ngừa đối với Trưởng CA huyện về phòng ngừa tội phạm tại cơ sở kinh doanh có điều kiện và 01 KN với Chủ tịch UBND huyện phòng ngừa tội phạm liên quan đến các loại ma túy mới); **Chí Linh 04** (02 kiến nghị phòng ngừa đối với Chủ tịch UBND TP về tình trạng gia tăng vụ án vi phạm quy định về an toàn lao động và về phòng ngừa tội Tham ô TS; 02 kiến nghị phòng ngừa đối với Chủ tịch UBND xã Hưng Đạo và xã Bắc An về áp dụng biện pháp phòng ngừa tội tham ô tài sản); **Nam Sách 02** kiến nghị phòng ngừa đối với Chủ tịch UBND huyện về phòng ngừa tội phạm liên quan đến vận chuyển hàng cấm và phòng ngừa người chưa thành niên phạm tội; **Gia Lộc 02** (01 kiến nghị phòng ngừa đối với Chủ tịch UBND xã Đoàn Thượng về phòng ngừa vi phạm trong buôn bán vận chuyển pháo nổ; 01 kiến nghị phòng ngừa giai đoạn truy tố đối với Chủ tịch UBND thị trấn Gia Lộc về phòng ngừa hành vi Chống người thi hành công vụ); **Kinh Môn 02** (01 kiến nghị phòng ngừa đối với Chủ tịch UBND phường An Lưu phòng ngừa tội phạm ma túy xảy ra trên địa bàn phường; 01 đối với Trưởng CA TX về phòng ngừa tội phạm liên quan đến pháo nổ); **TPHD 02** (01 KN giai đoạn điều tra với Chủ tịch UBND phường Bình Hàn về phòng ngừa tội ma túy); 01 kiến nghị phòng ngừa đối với Hiệu trưởng trường THPT Nam Hải Dương về phòng ngừa tội phạm là học sinh - **giai đoạn truy tố**); **Cầm Giàng 02 KN** (01 đối với Chủ tịch UBND xã Phúc Điền về phòng ngừa tội phạm pháo nổ và 01 đối với Chủ tịch UBND thị trấn Cầm Giàng về phòng ngừa tội phạm xâm phạm đất đai); **Ninh Giang 01** KN đối với Chủ tịch UBND huyện Ninh Giang phòng ngừa tội phạm LDCĐTS bằng thủ đoạn hứa hẹn làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; **Kim Thành 01** KN đối với văn phòng công chứng Bùi The về việc công chứng giấy tờ giả; **Bình Giang 01 KNPN** đối với Chủ tịch UBND thị trấn Kê Sắt về phòng ngừa tội phạm xảy ra trong nhà nghỉ.

²² Phòng 1 – 06; Thanh Hà 05; Kim Thành 07; Bình Giang 04; TPHD 06; Kinh Môn 02; Cầm Giàng 08; Thanh Miện 04; Chí Linh 02; Gia Lộc 03; Ninh Giang 04; Tứ Kỳ 01

²³ Phòng 1- 04; Phòng 2 – 01; Gia Lộc 03.

²⁴ Chí Linh 02; Nam Sách 02; Thanh Hà 02; Cầm Giàng 01; Tứ Kỳ 02.

STT	Chỉ tiêu	Đã thực hiện	Còn phải thực hiện 06 tháng cuối năm 2025 (tính đến 30/9/2025)	Ghi chú
7	Số hoá hồ sơ	94 vụ ²⁵ .		
II.B	Kiểm sát giai đoạn truy tố			
1	Chỉ tiêu án rút gọn (100% số vụ đủ điều kiện)	Chưa đơn vị nào thực hiện	(100% số vụ đủ điều kiện)	
2	Số hoá hồ sơ	81 vụ ²⁶		
III	Thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử án hình sự			
1	Chỉ tiêu tổ chức phiên toà rút kinh nghiệm (KSV Phòng 1,2,7 và đơn vị cấp huyện: 01 Kiểm sát viên ≥ 01 phiên toà /01 năm)	120 phiên/160 lượt KSV ²⁷	Các đơn vị tiếp tục thực hiện nếu có phiên toà đủ tiêu chí	
2	Lãnh đạo Viện kiểm sát trực tiếp thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử vụ án hình sự (phiên toà RKN) (01 lãnh đạo VKSND cấp huyện ≥ 01 phiên toà /01 năm.) Lãnh đạo VKSND tỉnh ≥ 01 phiên toà /01 năm.)	47 vụ/170 bị cáo ²⁸ .	VKS cấp huyện Còn phải thực hiện 03 phiên Thanh Hà - 03 Lãnh đạo VKSND tỉnh: 03 phiên toà	
3	Phiên toà công bố tài liệu, chứng cứ bằng hình ảnh (Phòng 1, 2,7 mỗi đơn vị ≥ 02 phiên; VKSND cấp huyện ≥ 04 phiên)	59 vụ/105 bị cáo ²⁹ .	20 phiên toà Phòng 2 – 01 Phòng 7 – 01 Cẩm Giàng - 01 Chí Linh - 02 Gia Lộc - 02 Nam Sách - 04 Ninh Giang - 01	

²⁵ Kinh Môn 67; Tứ Kỳ 08; Nam Sách 19.

²⁶ Kinh Môn 50; Chí Linh 25; Bình Giang 06.

²⁷ **Phiên toà RKN liên ngành 02/04** (Chí Linh 01/01; Kim Thành 01/02); **Phiên toà RKN mở rộng 02/03 (TPHD 01/01; Thanh Miện 01/02); Phiên toà tự RKN 116/154** (Phòng 1- 09/11; Phòng 2 – 07/08; Phòng 7- 05/05; Cẩm Giàng 07/10; Gia Lộc 08/15; TPHD 10/10; Nam Sách 07/10; Kim Thành 10/16; Thanh Hà 07/07; Ninh Giang 11/11; Chí Linh 09/16; Kinh Môn 09/12; Thanh Miện 05/06; Tứ Kỳ 06/07; Bình Giang 06/10)

²⁸ Cẩm Giàng 03/11; Nam Sách 04/07; Kim Thành 09/15; Ninh Giang 02/04; Chí Linh 05/17; Kinh Môn 03/05; Gia Lộc 06/60; Tứ Kỳ 03/15; TPHD 04/13; Thanh Miện 03/06; Bình Giang 05/12.

²⁹ Phòng 1- 08/13; Phòng 2 – 01/02; Phòng 7 – 01/05; Kim Thành 16/27; Thanh Hà 01/01; Chí Linh 02/02; Gia Lộc 02/02; Ninh Giang 03/04; Thanh Miện 04/04; TPHD 11/29; Cẩm Giàng 03/03; Kinh Môn 03/05; Bình Giang 04/08.

STT	Chỉ tiêu	Đã thực hiện	Còn phải thực hiện 06 tháng cuối năm 2025 (tính đến 30/9/2025)	Ghi chú
			Kinh Môn - 01 Thanh Hà - 03 Tứ Kỳ - 04	
4	Kháng nghị (Phòng 1, 2 và VKS cấp huyện: Tỷ lệ số bị cáo kháng nghị được VKS cấp trên bảo vệ $\geq 85\%$; Phòng 7: Tỷ lệ số bị cáo được HĐXX chấp nhận $\geq 70\%$)	06 kháng nghị/ 14 bị cáo (cũ 01 kháng nghị/ 03 bị cáo ³⁰ ; mới 05 kháng nghị/ 11 bị cáo ³¹ . Đã giải quyết 05 kháng nghị/ 13 bị cáo, trong đó: ngang cấp cấp tỉnh 02 kháng nghị/ 04 bị cáo ³² (chấp nhận 100%); ngang cấp cấp huyện 02 kháng nghị/ 04 bị cáo ³³ ; trên cấp cấp tỉnh 01 kháng nghị/ 05 bị cáo ³⁴	Còn chưa xét xử 01 bị cáo (Phòng 1)	
5	Chỉ tiêu Kiến nghị (VKS cấp huyện ít nhất 01 kiến nghị tổng hợp, Phòng 7 ít nhất 02 kiến nghị tổng hợp)	15 kiến nghị tổng hợp ³⁵	02 kiến nghị Bình Giang - 01; Thanh Hà - 01;	
6	Số hoá hồ sơ	608 vụ ³⁶	100% số vụ án	
IV	Kiểm sát tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự			

³⁰ Phòng 1- 01/03.

³¹ Phòng 1- 02/02; Phòng 7- 01/05; TPHD 01/01; Thanh Hà 01/03.

³² Phòng 1- 02/04; .

³³ Thanh Hà – 01/03 (VKS tỉnh rút kháng nghị, TA đình chỉ xét xử); TPHD 01/01 (VKS tỉnh rút kháng nghị tại phiên toà, TA xét xử ý án sơ thẩm)

³⁴ Phòng 7 – 01/05 (TA xét xử chấp nhận 1 phần kháng nghị của VKS)

³⁵ Phòng 7 -02; Gia Lộc 01; Nam Sách 01; TPHD 03; Ninh Giang 01; Tứ Kỳ 01; Chí Linh 01; Cẩm Giàng 01; Kinh Môn 01; Thanh Miện 02; Kim Thành 01.

³⁶ Phòng 1- 38; Phòng 2- 13; Kinh Môn 39; Cẩm Giàng 50; Nam Sách 30; Kim Thành 53; Thanh Hà 35; Ninh Giang 37; Thanh Miện 24; TPHD 104; Bình Giang 48; Chí Linh 57; Tứ Kỳ 34; Gia Lộc 46.

STT	Chỉ tiêu	Đã thực hiện	Còn phải thực hiện 06 tháng cuối năm 2025 (tính đến 30/9/2025)	Ghi chú
1	Tỷ lệ phát hiện và yêu cầu, xử lý các trường hợp quá hạn tạm giam, tạm giam, giam không có căn cứ, trái pháp luật (Phòng 1, 2, VKSND cấp huyện đạt 100%)	Ra lệnh bắt bị can để tạm giam 02 bị can ³⁷	Các đơn vị tiếp tục thực hiện	
2	Chỉ tiêu ban hành kháng nghị, kiến nghị (Phòng 8 và VKS cấp huyện mỗi đơn vị ít nhất 04 kiến nghị; 01 kháng nghị)	01 kháng nghị ³⁸ và 14 kiến nghị ³⁹ , gồm: 11 kiến nghị tổng hợp ⁴⁰ , 01 kiến nghị vụ việc ⁴¹ 02 kiến nghị phòng ngừa ⁴²	Chỉ tiêu kháng nghị 11 (Gia Lộc, Cẩm Giàng, Ninh Giang, Thanh Miện, Thanh Hà; Kim Thành, Kinh Môn, Chí Linh, Tứ Kỳ, TPHD mỗi đơn vị 01 kháng nghị) Chỉ tiêu kiến nghị 35 kiến nghị Gia Lộc 04 Nam Sách 02 Cẩm Giàng 04 Ninh Giang 03 Thanh Miện 03 Thanh Hà 03 Kim Thành 03 Kinh Môn 03 Chí Linh 02 Tứ Kỳ 04 TPHD 01	

³⁷ Tháng 11: TPHD 01 bị can Vũ Thu Huyền tội TCTS; **Tháng 12/2024: Phòng 2- 01** lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Nguyễn Việt An về tội Giết người.

³⁸ Nam Sách 01 kháng nghị đối với TAND huyện.

³⁹ Phòng 8- 01; Nam Sách 02; Ninh Giang 01; Thanh Miện 01; Thanh Hà 01; Kim Thành 01; Kinh Môn 01; Chí Linh 02; TPHD 03; Bình Giang 01.

⁴⁰ Phòng 8 – 01; Ninh Giang 01; TPHD 02; Kim Thành 01; Chí Linh 02; Thanh Hà 01; Kinh Môn 01; Bình Giang 01; Nam Sách 01.

⁴¹ Thanh Miện 01.

⁴² **Nam Sách 01** kiến nghị phòng ngừa đối với CQ THAHS Công an huyện về tăng cường công tác chỉ đạo điều hành nâng cao chất lượng công tác THAHS; **TPHD 01** kiến nghị phòng ngừa đối với Chủ tịch UBND thành phố Hải Dương về việc khắc phục, phòng ngừa vi phạm pháp luật của người chấp hành án tại cộng đồng.

STT	Chỉ tiêu	Đã thực hiện	Còn phải thực hiện 06 tháng cuối năm 2025 (tính đến 30/9/2025)	Ghi chú
			Bình Giang 03	
3	Yêu cầu bắt thi hành án hình sự số người bị kết án phạt tù đang tại ngoại không tự nguyện thi hành án và đã có đủ điều kiện bắt để bảo đảm thi hành đúng thời hạn (Phòng 8, VKS cấp huyện đạt 100%)	05 yêu cầu áp giải THA ⁴³	Các đơn vị tiếp tục thực hiện	
4	Trực tiếp kiểm sát thường kỳ tại phân trại thuộc trại tạm giam Công an tỉnh (VKSND cấp huyện ít nhất 01 lần/Quý – áp dụng đối với đơn vị có phân trại đóng trên địa bàn)	Quý I: 12 cuộc, ban hành 12 kết luận kiến nghị ⁴⁴ Quý II: 12 cuộc, ban hành 07 kết luận ⁴⁵ , 05 kết luận kiến nghị ⁴⁶	Quý III: 04 cuộc (Tứ Kỳ 01; Cẩm Giàng 01; Kim Thành 01; Nam Sách 01) Quý IV: 04 cuộc (Tứ Kỳ 01; Cẩm Giàng 01; Kim Thành 01; Nam Sách 01)	
5	Trực tiếp kiểm sát thường kỳ tại Trại tạm giam CA tỉnh, Trại giam Hoàng Tiến (Phòng 8 kiểm sát trại tạm giam công an tỉnh ít nhất 01 lần/01 Quý; trại giam Hoàng Tiến ít nhất 02 lần/năm)	Quý I: 01 cuộc đối với Trại tạm giam CA tỉnh, ban hành 01 kết luận kiến nghị ⁴⁷ ; Quý II: 01 cuộc đối với Trại tạm giam CA tỉnh, ban hành 01 kết luận kiến nghị ⁴⁸ ; TTKS Trại giam Hoàng Tiến về KS thi hành án phạt tù 06 tháng: 02 cuộc,	02 cuộc trực tiếp kiểm sát Trại tạm giam CA tỉnh (Quý III và Quý IV/2025)	

⁴³ Chí Linh 02; Thanh Miện 01; Kinh Môn 01; Thanh Hà 01.

⁴⁴ Phòng 8 phối hợp với Kim Thành ban hành 01 kết luận kiến nghị; Thanh Miện 01; Nam Sách 01; Ninh Giang 01; Thanh Hà 01; Bình Giang 01; Kinh Môn 01; Gia Lộc 01; Chí Linh 01; Cẩm Giàng 01; Tứ Kỳ 01; TPHD 01 đối với cuộc TTKS Nhà tạm giữ Công an huyện.

⁴⁵ Nam Sách 01; Bình Giang 01; Chí Linh 01; Ninh Giang 01; Thanh Hà 01; Gia Lộc 01; Thanh Miện 01.

⁴⁶ Kim Thành 01; Cẩm Giàng 01; Kinh Môn 01; TPHD 01; Tứ Kỳ 01.

⁴⁷ Phòng 8 - 01.

⁴⁸ Phòng 8 - 01.

STT	Chỉ tiêu	Đã thực hiện	Còn phải thực hiện 06 tháng cuối năm 2025 (tính đến 30/9/2025)	Ghi chú
		ban hành 02 kết luận kiến nghị ⁴⁹ . Trực tiếp kiểm sát việc triển khai thực hiện Quyết định số 266 ngày 03/3/2025 của Chủ tịch nước về đặc xá năm 2025 tại Trại tạm giam Công an tỉnh, Trại giam Hoàng tiến Bộ Công an: 02 cuộc, ban hành 02 kết luận ⁵⁰ .		
6	Trực tiếp kiểm sát cơ quan THAHS cùng cấp (<i>Phòng 8 - 01 cuộc/năm</i>)	01 cuộc, ban hành 01 kết luận kiến nghị ⁵¹		
7	Chỉ tiêu kiểm sát án treo và cải tạo không giam giữ (<i>VKS cấp huyện kiểm sát ít nhất 30% đơn vị cấp xã có án treo, cải tạo không giam giữ</i>)	63 cuộc/197 xã có án treo, CTKGG ⁵² (đạt 31,98%), trong đó ban hành 35 kết luận ⁵³ , 28 kết luận kiến nghị ⁵⁴	Các đơn vị tiếp tục thực hiện theo kế hoạch	
V	Kiểm sát thi hành án dân sự, thi hành án hành chính			

⁴⁹ Phòng 8 - 02.

⁵⁰ **Phòng 8- 02 kết luận** (01 đối với Trại Tạm giam , 01 đối với Trại giam Hoàng Tiến).

⁵¹ Phòng 8 -01.

⁵² Tổng 63 cuộc gồm: Nam Sách 05/15 (33,33%); Thanh Hà 05/16 (31,25%); Kim Thành 02/14 (13,33%); Chí Linh 14/19 (73,68%); Bình Giang 04/15 (26,67%); Gia Lộc 02/14 (14,29%); Kinh Môn 08/22 (38,10%); Ninh Giang 05/16 (26,32%); TPHD 08/25 (33,33%); Thanh Miện 06/17 (35,29%); Tứ Kỳ 02/09 (22,22%); Cẩm Giàng 02/15 (13,33%).

⁵³ Nam Sách 05; Bình Giang 03; Chí Linh 06; Kinh Môn 03; Ninh Giang 05; TPHD 06; Thanh Miện 05; Tứ Kỳ 02

⁵⁴ Kim Thành 02; Thanh Hà 05; Chí Linh 08; Bình Giang 01; Gia Lộc 02; TPHD 02; Thanh Miện 01; Cẩm Giàng 02; Kinh Môn 05.

STT	Chỉ tiêu	Đã thực hiện	Còn phải thực hiện 06 tháng cuối năm 2025 (tính đến 30/9/2025)	Ghi chú
1	Chỉ tiêu ban hành kháng nghị, kiến nghị (Phòng 8 và VKSND cấp huyện ít nhất 01 kháng nghị hoặc 01 kiến nghị/năm)	19 kiến nghị tổng hợp ⁵⁵ , 08 kiến nghị vụ việc ⁵⁶ , 02 kiến nghị phòng ngừa ⁵⁷	Các đơn vị tiếp tục thực hiện	
2	Chỉ tiêu trực tiếp kiểm sát Cơ quan THADS cùng cấp (Phòng 8 và VKS cấp huyện ít nhất 01 cuộc/năm)	16 cuộc, ban hành 16 kết luận kiến nghị ⁵⁸ ,	Các đơn vị tiếp tục thực hiện	
3	Số việc trực tiếp xác minh điều kiện thi hành án đối với việc không có điều kiện thi hành án (KSV làm công tác KSTHADS phòng 8 và VKSND cấp huyện 05 việc/KSV)		Các đơn vị tiếp tục thực hiện theo kế hoạch	
VI	Kiểm sát việc giải quyết các vụ, việc dân sự, HNGĐ; án HC, KDTM			
1	Kiến nghị phòng ngừa (Phòng 9, 10 và VKS cấp huyện ít nhất 01 kiến nghị/01 lĩnh vực/năm)	DS-HNGĐ 17 kiến nghị ⁵⁹ ; HC -KDTM- LĐ 48 kiến nghị ⁶⁰	DS-HNGĐ: 01 kiến nghị Gia Lộc - 01; HC-KDTM: tiếp tục thực hiện	
2	Kháng nghị (Phòng 9, 10 và VKS cấp huyện: Kháng nghị được cấp phúc thẩm bảo vệ đạt $\geq 85\%$; kháng nghị được HĐXX chấp	DS: 11 kháng nghị (cũ: 05 mới 06 ⁶¹). Đã giải quyết 06 vụ (chấp nhận 05 vụ - 83,3%, không chấp nhận 01	Còn chưa xét xử DS 05 vụ ⁶³	

⁵⁵ Phòng 8 -01; Chí Linh 02; Gia Lộc 02; Bình Giang 02; Ninh Giang 02; Tứ Kỳ 01;TPHD 01; Cẩm Giàng 01; Thanh Miện 02; Kim Thành 01; Nam Sách 01; Kinh Môn 01; Thanh Hà 02;

⁵⁶ Thanh Hà 02; TPHD 01; Thanh Miện 02; Cẩm Giàng 01; Ninh Giang 01; Gia Lộc 01.

⁵⁷ **Gia Lộc 02** Kiến nghị phòng ngừa đối với Chủ tịch UBND xã Hoàng Diệu và Chủ tịch UBND xã Yết Kiêu về xác minh thi hành án dân sự.

⁵⁸ Phòng 8 - 02 (trong đó phối hợp với Thanh Hà 01) Tứ Kỳ 02; Cẩm Giàng 01; Chí Linh 01; Thanh Miện 01; Ninh Giang 02; Nam Sách 02; Gia Lộc 01; Thanh Hà 01; Kinh Môn 01; Kim Thành 01; Bình Giang 01.

⁵⁹ Phòng 9- 01; Kim Thành 02; Chí Linh 02; Thanh Miện 01; Cẩm Giàng 02; Bình Giang 02; TPHD 02; Ninh Giang 01; Tứ Kỳ 01; Kinh Môn 01; Nam Sách 01; Thanh Hà 01.

⁶⁰ Phòng 10- 01; Cẩm Giàng 03; Gia Lộc 02; Kinh Môn 14; Kim Thành 02; TPHD 03; Bình Giang 10; Ninh Giang 01; Thanh Hà 03; Tứ Kỳ 03; Thanh Miện 03; Chí Linh 01; Nam Sách 02.

⁶¹ **Phòng 9- 01; Nam Sách 01; Chí Linh 01; Kim Thành 01; TPHD 02.**

STT	Chỉ tiêu	Đã thực hiện	Còn phải thực hiện 06 tháng cuối năm 2025 (tính đến 30/9/2025)	Ghi chú
	<i>nhận $\geq 70\%$)</i>	vụ). HC: 01 kháng nghị ⁶² (mới)		
3	Ban hành kiến nghị yêu cầu Tòa án khắc phục những vi phạm pháp luật (Phòng 9, 10 và VKSND cấp huyện đạt 100%)	33 kiến nghị tổng hợp, 19 kiến nghị vụ việc: + DS-HNGĐ: 15 kiến nghị tổng hợp ⁶⁴ , 11 kiến nghị vụ việc ⁶⁵ . + HC - KDTM - LĐ: 18 kiến nghị tổng hợp ⁶⁶ , 08 kiến nghị vụ việc ⁶⁷ .	Ban hành 100% kiến nghị khi phát hiện vi phạm	
4	Ban hành yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ đối với những vụ, việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ (Phòng 9, 10 và VKSND cấp huyện đạt 100%)	50 yêu cầu, trong đó: + DS-HNGĐ: 29 yêu cầu ⁶⁸ . + HC - KDTM - LĐ: 21 yêu cầu ⁶⁹ .	Ban hành 100% yêu cầu khi vụ án TA chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ	
5	Chỉ tiêu phiên toà rút kinh nghiệm án dân sự (Phòng 9 – 01 KSV/ 02 phiên toà; KSV VKS cấp huyện được phân công ở lĩnh vực DS-HNGĐ: 01 phiên/năm)	DS – HNGĐ: 20 vụ/20 lượt KSV⁷⁰	Phòng 9 – 06 phiên Thanh Miện 01	

⁶³ Phòng 9- 01; Chí Linh 01; Nam Sách 02; TPHD 01.

⁶² **Chí Linh 01.**

⁶⁴ Phòng 9 -01; Gia Lộc 01; Cẩm Giàng 01; Nam Sách 01; Thanh Miện 02; Bình Giang 03; Tứ Kỳ 02; TPHD 01; Kinh Môn 01; Ninh Giang 01; Thanh Hà 01.

⁶⁵ Phòng 9- 02; Gia Lộc 01; Cẩm Giàng 01; Thanh Miện 01; Bình Giang 03; Kinh Môn 03.

⁶⁶ Phòng 10- 01; Gia Lộc 01; Thanh Miện 02; TPHD 02; Kinh Môn 02; Chí Linh 02; Bình Giang 02; Ninh Giang 01; Tứ Kỳ 01; Cẩm Giàng 01; Kim Thành 01; Nam Sách 01; Thanh Hà 01.

⁶⁷ Phòng 10- 01; Bình Giang 02; Chí Linh 03; TPHD 01; Cẩm Giàng 01.

⁶⁸ **Yêu cầu xác minh thu thập chứng cứ (29):** Phòng 9 -02; Chí Linh 06; Gia Lộc 01; Nam Sách 03; Thanh Miện 05; Bình Giang 03; Ninh Giang 03; TPHD 01; Tứ Kỳ 02; Cẩm Giàng 02; Kinh Môn 01.

⁶⁹ **Yêu cầu xác minh thu thập chứng cứ (21):** Phòng 10- 04; Bình Giang 04; Gia Lộc 02; TPHD 01; Nam Sách 03; Chí Linh 02; Ninh Giang 01; Cẩm Giàng 03; Tứ Kỳ 01.

⁷⁰ **Phiên toà RKN mở rộng 01** (Bình Giang 01); **Phiên toà tự RKN 19 phiên:** Phòng 9- 02; Kinh Môn 02; Tứ Kỳ 02; Nam Sách 03; Gia Lộc 01; Ninh Giang 01; Kim Thành 01; TPHD 02; Cẩm Giàng 01; Chí Linh 01; Bình Giang 02; Thanh Hà 01.

STT	Chỉ tiêu	Đã thực hiện	Còn phải thực hiện 06 tháng cuối năm 2025 (tính đến 30/9/2025)	Ghi chú
	Chỉ tiêu phiên toà rút kinh nghiệm án hành chính (Phòng 10- 02 phiên toà/ năm; VKSND cấp huyện 01 phiên/ năm)	HC-KDTM-LĐ: 07 phiên/07 KSV ⁷¹ .	08 phiên toà Gia Lộc 01 Nam Sách 01 Cầm Giàng 01 Thanh Miện 01 Thanh Hà 01 Kim Thành 01 Kinh Môn 01 Chí Linh 01	
	Phiên toà công bố tài liệu, chứng cứ bằng hình ảnh (Phòng 9, 10 và mỗi đơn vị VKS cấp huyện ít nhất 02 phiên/năm)	DS- HNGĐ: 07 vụ ⁷² . HC-KDTM-LĐ: 12 vụ ⁷³ .	16 phiên (Phòng 9 – 01 Cầm Giàng 01; Chí Linh 02; Nam Sách 02; Ninh Giang 02; Kim Thành 02; Kinh Môn 02; Thanh Hà 01; Thanh Miện 02; Tứ Kỳ 01;	
6	Viện trưởng VKSND cấp huyện tham gia kiểm sát xét xử ít nhất 01 phiên tòa rút kinh nghiệm án dân sự hoặc hành chính, kinh doanh thương mại, lao động (các vụ án phức tạp).	DS: 04 vụ ⁷⁴ .	08 vụ Bình Giang 01 Chí Linh 01 Gia Lộc 01 Ninh Giang 01 Kinh Môn 01 Thanh Hà 01 Thanh Miện 01 Tứ Kỳ 01	
VII	Giải quyết và kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong HĐTP			
1	Chỉ tiêu giải quyết đơn thuộc thẩm quyền (ít nhất 80%)	08 đơn, đã giải quyết 08 đơn = 100%	Giải quyết $\geq 80\%$ đơn thuộc thẩm quyền	

⁷¹ Phiên toà tự rút kinh nghiệm 07 (Phòng 10- 03/03; Tứ Kỳ 01/01; Bình Giang 01/01; TPHD 01/01; Ninh Giang 01/01).

⁷² Phòng 9- 01; TPHD 01; Bình Giang 02; Thanh Hà 01; Gia Lộc 02.

⁷³ Phòng 10- 08; Bình Giang 01; Cầm Giàng 01; TPHD 01; Tứ Kỳ 01.

⁷⁴ Kim Thành 01; TPHD 01; Cầm Giàng 01; Nam Sách 01.

STT	Chỉ tiêu	Đã thực hiện	Còn phải thực hiện 06 tháng cuối năm 2025 (tính đến 30/9/2025)	Ghi chú
2	Chỉ tiêu Trực tiếp kiểm sát hoặc áp dụng biện pháp kiểm sát (<i>Thanh tra- Khiếu tố và VKS cấp huyện ít nhất 01</i>)	21 yêu cầu ⁷⁵	<i>Còn phải thực hiện 02</i> (Bình Giang 01; Kinh Môn 01)	

2. Kết quả công tác các đơn vị đạt được ngoài Hệ thống chỉ tiêu 140 và Kế hoạch phải thực hiện

STT	Nội dung	Kết quả đạt được
1	Báo cáo án bằng sơ đồ tư duy trong giai đoạn tin báo	116 vụ ⁷⁶ .
2	Số hoá hồ sơ tin báo	03 vụ ⁷⁷ .
I. Thực hành quyền công tố trong việc quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn		
1.	Ra lệnh bắt bị can để tạm giam	Ra lệnh bắt bị can để tạm giam 02 bị can ⁷⁸ .
2	Hủy bỏ lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú	Hủy bỏ lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với 01 bị can ⁷⁹ .

⁷⁵ **Thanh tra – Khiếu tố 03** yêu cầu (02 Yêu cầu cung cấp hồ sơ và 01 Yêu cầu tự kiểm tra đối với TAND tỉnh Hải Dương); **Gia Lộc 01** yêu cầu cung cấp hồ sơ tài liệu đối với Chi cục THADS huyện về giải quyết đơn khiếu nại; **Kim Thành 02 (01** yêu cầu tự kiểm tra việc thụ lý, giải quyết đơn khiếu nại đối với Chi cục THADS huyện; 01 yêu cầu tự kiểm tra đối với CQ CSĐT CA huyện); **Thanh Hà 02; Ninh Giang 02** (02 yêu cầu ra văn bản giải quyết khiếu nại với TAND; 01 yêu cầu ra văn bản giải quyết khiếu nại đối với Chi cục THADS) **Tứ Kỳ 02** yêu cầu ra văn bản giải quyết đơn khiếu nại đối với TAND huyện; **Thanh Miện 01** yêu cầu giải quyết đơn khiếu nại đối với Chi cục THADS; **Chí Linh 02** yêu cầu đối với Chi cục THADS (01 yêu cầu ra văn bản giải quyết khiếu nại, 01 yêu cầu cung cấp hồ sơ giải quyết khiếu nại); **Nam Sách 02 (01** yêu cầu ra văn bản giải quyết khiếu nại đối với CA huyện; 01 yêu cầu ra văn bản giải quyết đơn khiếu nại đối với Chi cục THADS); **Cầm Giàng 02 yêu cầu** (01 yêu cầu ra văn bản giải quyết đơn khiếu nại; 01 yêu cầu cung cấp hồ sơ) đối với CQ CSĐT CA huyện; **TPHD 01** yêu cầu tự kiểm tra đối với TAND TP.

⁷⁶ TPHD 91; Chí Linh 19; Thanh Miện 06.

⁷⁷ Nam Sách 03.

⁷⁸ **Tháng 11/2024: TPHD-01** Vũ Thu Huyền về tội TCTS; **Tháng 12/2024:** Phòng 2- 01 lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Nguyễn Việt An về tội Giết người lý do: có căn cứ để tạm giam bị can.

⁷⁹ **Tháng 11/2024: TPHD-01** Vũ Thu Huyền về tội TCTS, lý do: có căn cứ để tạm giam bị can.

STT	Nội dung	Kết quả đạt được
II	Thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra vụ án hình sự; kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn truy tố	
II.A	Thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra vụ án hình sự	
1	Thực hiện trực tiếp kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm <i>(VKS cấp huyện đã thực hiện TTKS CQĐT khi chưa bỏ Công an cấp huyện)</i>	06 cuộc, ban hành 06 kết luận kiến nghị ⁸⁰ .
2	Phối hợp với CQĐT Công an tỉnh tiến hành kiểm tra CQĐT Công an cấp huyện về việc tiếp nhận, thụ lý và giải quyết nguồn tin về tội phạm	01 cuộc, ban hành 01 kết luận kiến nghị ⁸¹ . <i>(đã thực hiện khi chưa bỏ Công an cấp huyện)</i>
3	Ban hành yêu cầu khác	03 yêu cầu trợ giúp tư pháp ⁸² ; 06 yêu cầu truy nã bị can ⁸³ ; 08 yêu cầu phục hồi điều tra ⁸⁴ , 01 yêu cầu kê biên tài sản ⁸⁵ , 11 yêu cầu phong tỏa tài khoản ⁸⁶ , 03 yêu cầu bổ sung tài liệu chứng cứ ⁸⁷ ; 06 Yêu cầu xác minh phục vụ thu hồi tài sản trong vụ án kinh tế, tham nhũng ⁸⁸
4	Báo cáo vụ án bằng sơ đồ tư duy	247 vụ ⁸⁹ .
II.B	Kiểm sát giai đoạn truy tố	
1	Báo cáo vụ án bằng sơ đồ tư duy	221 vụ ⁹⁰ .

⁸⁰ Ninh Giang 01; Nam Sách 01; Kinh Môn 01; Cẩm Giàng 01; Bình Giang 01; Kim Thành 01

⁸¹ Phòng 1, 2, VKSND huyện Tứ Kỳ phối hợp với CQ CSĐT CA tỉnh (PC01) 01 kết luận kiến nghị đối với cuộc TTKS 01 cuộc đối với CQ CSĐT Công an huyện Tứ Kỳ (tiến hành TTKS tháng 9,10).

⁸² Cẩm Giàng 02; Gia Lộc 01.

⁸³ Phòng 1- 02; Bình Giang 03; Gia Lộc 01.

⁸⁴ Kim Thành 03; Cẩm Giàng 01; Chí Linh 02; Gia Lộc 02.

⁸⁵ Phòng 1- 01.

⁸⁶ Phòng 1- 05; Thanh Hà 01; Gia Lộc 03; Cẩm Giàng 02.

⁸⁷ Bình Giang 02; Nam Sách 01.

⁸⁸ Phòng 1- 05; Cẩm Giàng 01.

⁸⁹ TPHD 81; Cẩm Giàng 17; Kim Thành 51; Chí Linh 23; Kinh Môn 71; Tứ Kỳ 04.

⁹⁰ TPHD 90; Cẩm Giàng 16; Chí Linh 32; Kinh Môn 68; Thanh Miện 01; Bình Giang 14.

STT	Nội dung	Kết quả đạt được
2	Kiến nghị phòng ngừa	05 kiến nghị ⁹¹ .
3	Truy tố án trọng điểm	51 vụ/72 bị can ⁹² .
4	Truy tố án rút gọn	12 vụ/ 12 bị can ⁹³ .
III	Thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử án hình sự	
1	Kiến nghị	08 kiến nghị vụ việc ⁹⁴ ; 06 kiến nghị phòng ngừa ⁹⁵ .
2	Phối hợp với TA tổ chức phiên tòa xét xử trực tuyến	55 vụ/79 bị cáo ⁹⁶ .
3	Phối hợp với TA tổ chức phiên tòa lưu động	21 vụ/25 bị cáo ⁹⁷ .
4	Báo cáo vụ án bằng sơ đồ tư duy	271 vụ ⁹⁸ .
5	Xét xử án trọng điểm	52 vụ/70 bị cáo ⁹⁹ .
6	Xét xử án rút gọn	12 vụ/ 12 bị cáo ¹⁰⁰ .

⁹¹ **Kim Thành 01** kiến nghị phòng ngừa đối với Trưởng công an thị trấn Phú Thái trong công tác đảm bảo an ninh trật tự ga Phú Thái; **Gia Lộc 01** kiến nghị phòng ngừa đối với Chủ tịch UBND thị trấn Gia Lộc về phòng ngừa hành vi Chồng người thi hành công vụ; **TPHD 03** (01 kiến nghị phòng ngừa đối với Hiệu trưởng trường THPT Nam Hải Dương về phòng ngừa tội phạm là học sinh; 02 KNPN đối với Chủ tịch UBND TP về công tác quản lý nhà nước của UBND các xã, phường và về công tác quản lý an ninh trật tự tại các quán kinh doanh ăn đêm trên địa bàn).

⁹² Phòng 1- 01/02; Cẩm Giàng 10/13; Thanh Hà 05/07; Thanh Miện 04/04; Bình Giang 09/15; Nam Sách 02/02; Gia Lộc 10/18; Chí Linh 10/12.

⁹³ Thanh Miện 02/02; Bình Giang 01/01; TPHD 05/05; Nam Sách 02/02; Gia Lộc 02/02.

⁹⁴ **Chí Linh 03; Nam Sách 01; Kim Thành 01; Kinh Môn 01; TPHD 02.**

⁹⁵ **Kim Thành 01** kiến nghị phòng ngừa đối với Trưởng CA huyện trong việc kiểm tra cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú trên địa bàn huyện; **Cẩm Giàng 03 (01** kiến nghị phòng ngừa đối với Ban an toàn giao thông huyện trong giảm tải tình trạng tai nạn giao thông trên địa bàn; **02** kiến nghị phòng ngừa đối với Chủ tịch UBND xã Cao An và Chủ tịch UBND xã Lương Điền về áp dụng biện pháp phòng ngừa tội phạm môi trường xảy ra trên địa bàn xã); **Bình Giang 01** kiến nghị phòng ngừa đối với Chủ tịch UBND xã Nhân Quyền về phòng ngừa tội phạm ma túy xảy ra trong nhà nghỉ trên địa bàn; **Ninh Giang 01** kiến nghị phòng ngừa đối với Chủ tịch UBND huyện về áp dụng biện pháp phòng ngừa tội phạm quy định về tham gia giao thông xảy ra trên địa bàn.

⁹⁶ Phòng 7 -01/01; Cẩm Giàng 07/09; Gia Lộc 07/14; Kim Thành 07/07; Thanh Hà 10/17; Bình Giang 07/16; TPHD 03/04; Ninh Giang 03/05; Kinh Môn 07/09; Chí Linh 02/03; Thanh Miện 01/01.

⁹⁷ Nam Sách 09/10; Thanh Hà 02/02; TPHD 02/03; Thanh Miện 02/02; Gia Lộc 01/01; Chí Linh 04/06; Cẩm Giàng 01/01.

⁹⁸ TPHD 71; Kinh Môn 66; Cẩm Giàng 17; Nam Sách 30; Kim Thành 38; Chí Linh 25; Thanh Miện 10; Bình Giang 14.

⁹⁹ Phòng 1- 01/02; Bình Giang 06/11; Cẩm Giàng 11/15; Nam Sách 02/02; Chí Linh 11/13; Gia Lộc 06/08; Tứ Kỳ 02/02; Thanh Miện 03/03; Ninh Giang 02/04; TPHD 03/03; Thanh Hà 05/07.

¹⁰⁰ TPHD 05/05; Thanh Miện 02/02; Bình Giang 01/01; Nam Sách 02/02; Gia Lộc 02/02.

STT	Nội dung	Kết quả đạt được
7	Xét xử lưu động	21 vụ/25 bị cáo ¹⁰¹ .
8	Báo cáo kháng nghị giám đốc thẩm	01 vụ/ 05 bị cáo ¹⁰² .
IV	Kiểm sát tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự	
1	VKSND cấp huyện trực tiếp kiểm sát đối với cơ quan được giao một số nhiệm vụ THAHS có trụ sở đóng tại địa bàn cấp huyện (UBND cấp xã, Công an cấp xã) - 01 cuộc/năm	08 cuộc, ban hành 02 kết luận ¹⁰³ , 06 kết luận kiến nghị ¹⁰⁴
2	Yêu cầu khác	01 yêu cầu tự kiểm tra ¹⁰⁵
V	Kiểm sát thi hành án dân sự, thi hành án hành chính	
1	Yêu cầu	15 yêu cầu ¹⁰⁶
VI	Kiểm sát việc giải quyết các vụ, việc dân sự, HNGĐ; án HC, KDTM	
1	Yêu cầu khác	DS-HNGĐ: 02 yêu cầu ¹⁰⁷ .
2	Số hoá hồ sơ	DS: 720 ¹⁰⁸ . HC-KDTM: 280 ¹⁰⁹ .
3	Báo cáo vụ án bằng sơ đồ tư duy	DS: 49 vụ ¹¹⁰ . HC-KDTM: 56 vụ ¹¹¹ .

¹⁰¹ Nam Sách 09/10; Thanh Hà 02/02; TPHD 02/03; Thanh Miện 02/02; Gia Lộc 01/01; Chí Linh 04/06; Cẩm Giàng 01/01.

¹⁰² Phòng 7 -01/05.

¹⁰³ Ninh Giang 01; Cẩm Giàng 01 (đã thực hiện TTKS CQ THAHS trước khi không bố trí CA cấp huyện).

¹⁰⁴ Nam Sách 01; Kinh Môn 01; Bình Giang 01; Kim Thành 01; Tứ Kỳ 02 (đã thực hiện TTKS CQ THAHS trước khi không bố trí CA cấp huyện).

¹⁰⁵ Phòng 8- 01.

¹⁰⁶ **Yêu cầu lập hồ sơ miễn giảm nghĩa vụ THA 04** (Thanh Hà 01; Chí Linh 03); **Yêu cầu phong toả tài khoản người phải THA 01** (Chí Linh 01); **Yêu cầu cung cấp hồ sơ 04** (Ninh Giang 03; Gia Lộc 01); **Yêu cầu cưỡng chế 04** (Nam Sách 01; Bình Giang 03); **Yêu cầu TA chuyển bản án có hiệu lực pháp luật 02** (Chí Linh 02)

¹⁰⁷ **Yêu cầu sao chụp tài liệu (01)**: Nam Sách 01; **Yêu cầu chuyển bản án 01** (Nam Sách 01).

¹⁰⁸ Phòng 9 – 224; Bình Giang 11; Cẩm Giàng 15; Chí Linh 215; Gia Lộc 32; Nam Sách 59; Ninh Giang 14; Thanh Miện 20; Tứ Kỳ 51; Kinh Môn 46; Kim Thành 18; TPHD 15)

¹⁰⁹ Phòng 10- 51; Bình Giang 22; Chí Linh 11; Gia Lộc 09; Ninh Giang 01; Thanh Miện 23; Tứ Kỳ 06; Nam Sách 06; Cẩm Giàng 17; Kim Thành 30; Kinh Môn 17; TPHD 57; Thanh Hà 30 .

¹¹⁰ Nam Sách 18; Bình Giang 11; Gia Lộc 07; Ninh Giang 01; Thanh Miện 03; Cẩm Giàng 04; Kinh Môn 05.

¹¹¹ Bình Giang 19; Thanh Miện 09; Nam Sách 06; Tứ Kỳ 02; Thanh Hà 10; Cẩm Giàng 03; Kinh Môn 06; Chí Linh 01.

STT	Nội dung	Kết quả đạt được
VII	Giải quyết và kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong HĐTP	
1	Kiến nghị	07 kiến nghị ¹¹² .

Nơi nhận:

- Đơn vị VKS hai cấp;
- Các đ/c Lãnh đạo VKSND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT, VP.

TL.VIỆN TRƯỞNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG
PHỤ TRÁCH VĂN PHÒNG TỔNG HỢP

Nguyễn Đức Lăng

¹¹² **Gia Lộc 01** kiến nghị đối với Chi cục THADS huyện; **Thanh tra – Khiếu tố 01** kiến nghị; **Ninh Giang 01** kiến nghị đối với TAND huyện về giải quyết đơn khiếu nại; **Thanh Miện 01** kiến nghị đối với Chi cục THADS huyện về giải quyết đơn khiếu nại; **Chí Linh 01** kiến nghị đối với Chi cục THADS về chậm thụ lý giải quyết khiếu nại; **Cầm Giàng 01** kiến nghị đối với CQ CSĐT CA huyện; **Thanh Hà 01** kiến nghị đối với TAND huyện về chậm ra văn bản giải quyết đơn khiếu nại.